TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Huỳnh Tấn P**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà **Quách Thái Vạn T**
2. Bà **Nguyễn Thị H**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Lê Hồ Quế T** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LH tham gia phiên toà:* Không tham gia

Trong ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 190/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Minh T**, sinh năm 1989 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp PT 3, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL.
Bị đơn: Chị **Y D**, sinh năm 1994 (vắng mặt)
HKTT: Thôn M, xã NB, thành phố KT, tỉnh KT.
Tạm trú: Ấp PT 2, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Minh T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 qua quen biết tìm hiểu nhau anh Trần Minh T và chị Y D đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014 tại UBND xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL. Thời gian sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về phong tục tập quán nên không có cách ứng xử hòa hợp với nhau. Bản thân anh T đã nhiều lần cố gắng khắc

phục mâu thuẫn gia đình nhưng vẫn không được. Nay anh Trần Minh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11/9/2014. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Thị Bảo N có trình bày trong "Bản khai" đề ngày 15/9/2021 là trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu N có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là anh Trần Minh T.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Y D vắng mặt, dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ và cũng không gửi bản khai ý kiến cho Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn anh Trần Minh T vẫn bảo lưu ý kiến của mình.

- Bị đơn chị Y D vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Minh T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL giải quyết việc hôn nhân của anh và chị Y D. Chị Y Dvề sống và tạm trú tại ấp PT 2, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL được công an ấp PT 2, xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL xác nhận. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh VL.

Bị đơn chị Y D vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Y D.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 qua quen biết tìm hiểu nhau anh Trần Minh T và chị Y D đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán, có đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2014 tại UBND xã ĐP, huyện LH, tỉnh VL là phù hợp với quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Minh Tvà chị Y D chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng quan điểm về phong tục tập quán nên không có cách ứng xử hòa hợp với nhau, bản thân anh T đã nhiều lần cố gắng khắc phục mâu thuẫn gia đình nhưng vẫn không được cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh

T và chị D là tình cảm vợ chồng không còn do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Trần Minh T yêu cầu được ly hôn với chị Y D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11/9/2014. Hiện nay con chung đang sống cùng với anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đồng thời không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của anh Trần Minh T, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Trần Thị Bảo N có trình bày trong "Bản tự khai" đề ngày 15/9/2021 là trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn với nhau, cháu Trần Thị Bảo N có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với cha là anh Trần Minh T. Do đó cần ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Thị Bảo N, khi ly hôn giao cháu Trần Thị Bảo N cho anh Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Trần Minh T không yêu cầu chị Y D cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Trần Minh T là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Trần Minh T được ly hôn với Chị Y D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thị Bảo N, sinh ngày 11/9/2014 cho anh Trần Minh T được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời chị Y D không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, chị Y D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Buộc nguyên đơn anh Trần Minh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0006707 ngày 28/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LH, tỉnh VL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADSHLH;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Huỳnh Tấn Phong